TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**
*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*Bình Thuận, ngày 17 tháng 11 năm 2021*

**KẾT QUẢ ĐIỂM BÀI THU HOẠCH PHẦN III.1**
**(Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và pháp luật XHCN)**
**Lớp Trung cấp LLCT - HC, hệ không tập trung - Khoá 116 (Năm 2020), mở tại Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận**
**Ngày nộp: 11/10/2021**

---

| STT | SBD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 01 | 01 | Lê Nguyễn Vân | Anh | 31/10/1981 | Bình Thuận | 04 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 02 | 02 | Nguyễn Tiến | Anh | 09/10/1985 | Bình Thuận | 03 | 8.0 | Tám | |
| 03 | 03 | Cao Thị Bích | Chi | 24/4/1976 | Bình Thuận | 06 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 04 | 04 | Nguyễn Thị | Còn | 16/02/1971 | Bình Thuận | 01 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 05 | 05 | Trần Minh | Cương | 07/10/1980 | Bình Phước | 05 | 7.0 | Bảy | |
| 06 | 06 | Huỳnh Khắc | Điệp | 24/12/1984 | Bình Thuận | 11 | 6.0 | Sáu | |
| 07 | 07 | Nguyễn Thị Bích | Diệu | 24/3/1988 | Bình Thuận | 10 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 08 | 08 | Nguyễn Bá | Đỗ | 19/3/1975 | Hà Nội | 09 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 09 | 09 | Diên Văn | Dũng | 12/4/1979 | Bình Thuận | 07 | 6.0 | Sáu | |
| 10 | 10 | Ngô Công | Dũng | 27/02/1967 | Bình Thuận | 08 | 5.5 | Năm rưỡi | |
| 11 | 11 | Triệu Ánh | Dương | 20/10/1980 | Phú Thọ | 12 | 7.0 | Bảy | |
| 12 | 12 | Nguyễn Ngọc | Duy | 18/3/1972 | Bình Thuận | 14 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 13 | 13 | Nguyễn Trường | Giang | 16/4/1985 | Bình Thuận | 68 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 14 | 14 | Tạ Thị | Hải | 08/02/1984 | Vĩnh Phúc | 13 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 15 | 15 | Trần Thị Lệ | Hằng | 09/6/1981 | Bình Thuận | 02 | 8.0 | Tám | |
| 16 | 16 | Võ Lê Mỹ | Hảo | 06/02/1985 | Bình Thuận | 51 | 7.0 | Bảy | |
| 17 | 17 | Nguyễn Ngô Tấn | Hiếu | 12/4/1974 | Bình Thuận | 50 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 18 | 18 | Trần Thị Hồng | Hoa | 21/7/1987 | Bình Thuận | 49 | 6.0 | Sáu | |
| 19 | 19 | Hồ Quỳnh | Hoa | 02/6/1982 | Bình Thuận | 48 | 8.0 | Tám | |
| 20 | 20 | Nguyễn Duy | Hưng | 20/02/1978 | Bình Thuận | 52 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 21 | 21 | Đỗ Thị Thu | Huyền | 07/8/1984 | Hà Nam | 54 | 7.0 | Bảy | |
| 22 | 22 | Nguyễn Anh | Khoa | 10/02/1978 | Bình Thuận | 55 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 23 | 23 | Mai Ngọc | Kim | 21/01/1984 | Bình Thuận | 53 | 7.0 | Bảy | |
| 24 | 24 | Trần Thị | Linh | 20/01/1986 | Hà Tĩnh | 57 | 8.0 | Tám | |
| 25 | 25 | Nguyễn Hoàng | Long | 17/7/1964 | Bình Thuận | 56 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 26 | 26 | Phạm Ngọc | Minh | 10/10/1977 | Bình Thuận | 63 | 5.0 | Năm | |

| STT | SBD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 27 | 27 | Nguyễn Hải | Minh | 26/9/1988 | Bình Thuận | 67 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 28 | 28 | Lê Trung | Nam | 30/3/1965 | Bình Thuận | 66 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 29 | 29 | Nguyễn Thị Thanh | Ngà | 16/6/1981 | Bình Thuận | 64 | 7.0 | Bảy | |
| 30 | 30 | Nguyễn Văn | Ngoan | 22/5/1979 | Bình Thuận | 65 | 7.0 | Bảy | |
| 31 | 31 | Hồ Thảo | Nguyên | 23/5/1979 | Bình Thuận | 59 | 8.5 | Tám rưỡi | |
| 32 | 32 | Lê Thị Lan | Oanh | 11/02/1989 | Nam Định | 60 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| | 33 | Hà Văn | Phận | 15/02/1971 | Bình Thuận | | | | *Không đủ điều kiện* |
| 33 | 34 | Trần Mai Hoàng | Phong | 24/7/1979 | Bình Thuận | 62 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 34 | 35 | Nguyễn Ngọc | Phong | 10/3/1979 | Bình Thuận | 61 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 35 | 36 | Nguyễn Huỳnh | Phong | 12/10/1974 | Bình Thuận | 58 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 36 | 37 | Đặng Minh | Phúc | 07/3/1978 | Bình Thuận | 41 | 7.0 | Bảy | |
| 37 | 38 | Lê Hồng | Phương | 10/6/1978 | Thanh Hóa | 42 | 7.0 | Bảy | |
| 38 | 39 | Huỳnh Thị Kim | Phượng | 17/02/1984 | Bình Thuận | 39 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 39 | 40 | Trần Đức | Quý | 24/11/1985 | Quảng Bình | 40 | 7.0 | Bảy | |
| 40 | 41 | Mai Thị Ngọc | Quỳnh | 06/11/1977 | Bình Thuận | 38 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 41 | 42 | Đỗ Lộc | Sơn | 24/02/1979 | Lâm Đồng | 46 | 7.0 | Bảy | |
| 42 | 43 | Phan Thanh | Sơn | 02/11/1975 | Bình Thuận | 45 | 7.0 | Bảy | |
| 43 | 44 | Trần Thị | Sương | 10/6/1982 | Bình Thuận | 43 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 44 | 45 | Lý Duy | Tài | 06/02/1971 | Bình Thuận | 47 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 45 | 46 | Cao Từ Thiện | Tâm | 27/10/1986 | Bình Thuận | 44 | 8.0 | Tám | |
| 46 | 47 | Trần Phương | Thanh | 30/6/1984 | Bình Thuận | 15 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 47 | 48 | Trần Tiến | Thành | 23/8/1985 | Bình Thuận | 17 | 6.0 | Sáu | |
| 48 | 49 | Lưu Văn | Thảo | 20/6/1981 | Bình Thuận | 19 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 49 | 50 | Lại Ngọc | Thiên | 05/6/1981 | Bình Thuận | 16 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 50 | 51 | Phan Thị Mỹ | Thiện | 26/5/1984 | Bình Thuận | 18 | 8.5 | Tám rưỡi | |
| 51 | 52 | Mai Thị | Thơ | 06/7/1988 | Bình Thuận | 20 | 8.0 | Tám | |
| 52 | 53 | Nguyễn Quốc | Thuận | 20/6/1984 | Bình Thuận | 23 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 53 | 54 | Hà Thanh | Thủy | 10/4/1986 | Quảng Bình | 21 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 54 | 55 | Lê Hàn | Thủy | 03/5/1984 | Bình Thuận | 22 | 8.0 | Tám | |
| 55 | 56 | Phan Thị Thanh | Thủy | 21/4/1982 | Bình Thuận | 24 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 56 | 57 | Nguyễn Trần Lệ | Thy | 10/5/1977 | Bình Định | 27 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 57 | 58 | Nguyễn Thanh | Toàn | 17/12/1979 | Bình Thuận | 29 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 58 | 59 | Nguyễn Thị Thu | Trâm | 09/9/1973 | Bình Thuận | 26 | 7.0 | Bảy | |
| 59 | 60 | Đinh Lưu | Trung | 20/10/1971 | Bình Thuận | 28 | 7.0 | Bảy | |
| 60 | 61 | Dương Hùng | Trung | 13/4/1977 | Nghệ An | 25 | 5.0 | Năm | |

| STT | SBD | Họ và tên | | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 61 | 62 | Thái Đồng | Trung | 11/3/1982 | Bình Thuận | 31 | 7.0 | Bảy | |
| 62 | 63 | Lương Minh | Tú | 23/3/1990 | Bình Thuận | 34 | 7.0 | Bảy | |
| 63 | 64 | Nguyễn Ngọc | Tuấn | 26/8/1977 | Bình Thuận | 33 | 7.0 | Bảy | |
| 64 | 65 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyên | 12/4/1981 | Bình Thuận | 32 | 7.0 | Bảy | |
| 65 | 66 | Nguyễn Thị Miên | Viễn | 15/10/1982 | Kon Tum | 30 | 8.0 | Tám | |
| 66 | 67 | Lê Vang Quốc | Vinh | 25/3/1980 | Bình Thuận | 37 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 67 | 68 | Phạm Luân | Vũ | 11/6/1981 | Bình Thuận | 35 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 68 | 69 | Nguyễn Hoài | Vũ | 22/11/1985 | Bình Thuận | 69 | 7.0 | Bảy | |
| 69 | 70 | Ngô Minh Hải | Yến | 31/5/1987 | Bình Thuận | 36 | 7.5 | Bảy rưỡi | |

Tổng số: 69 bài.

Trong đó:

* Điểm 8,5: 02 bài.
* Điểm 8,0: 08 bài.
* Điểm 7,5: 28 bài.
* Điểm 7,0: 19 bài.
* Điểm 6,5: 05 bài.
* Điểm 6,0: 04 bài.
* Điểm 5,5: 01 bài.
* Điểm 5,0: 02 bài.

Tỷ lệ:

Giỏi: 10 bài. (tỷ lệ: 14.49 %)

Khá: 47 bài. (tỷ lệ: 68.12 %)

Trung bình: 12 bài. (tỷ lệ: 17.39 %)

**T/L HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

**NGƯỜI VÀO ĐIỂM**

**Phạm Thị Hoài**

**Nguyễn Thị Như Yến**

**K/T HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

**Trần Thị Minh Hoài**